ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 352 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 17/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 17/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động số 44-CTr/TU thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh; gắn phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quy hoạch tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ sinh học trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thực tiễn; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Yêu cầu

Triển khai Kế hoạch bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Bình, định hướng phát triển của Trung ương và khả năng cân đối nguồn lực; tránh trùng lặp, dàn trải, lãng phí.

Ưu tiên nhiệm vụ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, có địa chỉ ứng dụng, xác định rõ sản phẩm đầu ra, đối tượng thụ hưởng, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và nguồn lực thực hiện; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, hợp tác xã và người dân.

Lấy hiệu quả ứng dụng, giá trị kinh tế - xã hội tạo ra, khả năng thương mại hóa và nhân rộng làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trở thành nền tảng quan trọng của KHCN và ĐMST; sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, nhất là nông nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu sinh học, môi trường, y dược, kinh tế biển và bảo tồn đa dạng sinh học; góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững.

Từng bước xây dựng tiềm lực công nghệ sinh học của tỉnh về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh; phấn đấu đưa Ninh Bình trở thành tỉnh có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học phát triển trong khu vực Đồng bằng sông Hồng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Thiết lập và hình thành mạng lưới liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ sinh học.

- Xây dựng và nhân rộng 30 đến 40 mô hình ứng dụng công nghệ sinh học theo vùng trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng từ 15 đến 20 công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, y dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hỗ trợ 10 đến 15 doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai 20 đến 30 nhiệm vụ khoa học và công nghệ về công nghệ sinh học cấp tỉnh; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo giá trị gia tăng, có khả năng nhân rộng và thương mại hóa; ưu tiên các sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu sinh học, xử lý môi trường, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nuôi trồng thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế biển.

- Hình thành từ 1 - 3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (start-up) trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nguồn gen, tài nguyên sinh học và kết quả nghiên cứu phục vụ quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kỹ thuật viên và nhân lực nghiên cứu, ứng dụng, triển khai trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ sinh học, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, thân thiện môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Ninh Bình phấn đấu trở thành một trong những địa bàn có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học phát triển trong khu vực Nam Đồng bằng sông Hồng; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học từ nghiên cứu - chuyển giao - sản xuất - chế biến - thương mại đối với sản phẩm công nghệ sinh học; phát triển các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh, tạo ra các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị gia tăng cao, góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 44-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ sinh học trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đưa nội dung về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào trong tổng thể triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp vào chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, nền tảng số và hệ thống thông tin cơ sở; phổ biến các mô hình, kết quả nghiên cứu, điển hình tiên tiến trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, cuộc thi sáng tạo và hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển công nghệ sinh học

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, bảo đảm đồng bộ với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tiễn giai đoạn mới.

- Xây dựng, triển khai các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp; ưu tiên doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu sinh học, môi trường, y dược, kinh tế biển và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Xây dựng và triển khai cơ chế xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, hợp tác xã và địa phương, lấy hiệu quả ứng dụng và giá trị tạo ra làm tiêu chí chủ yếu.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực từ nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm về công nghệ sinh học; Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội, hợp tác công tư (PPP), quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển công nghệ sinh học.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý khoa học và công nghệ; tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và thúc đẩy chuyển giao công nghệ; bảo đảm an toàn sinh học theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên

Tập trung lựa chọn, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ sinh học gắn với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thực tiễn của tỉnh; ưu tiên nông nghiệp và thủy sản công nghệ cao; công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu sinh học; bảo vệ môi trường và kinh tế tuần hoàn; y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công nghệ sinh học biển; bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

Tập trung lựa chọn, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ sinh học gắn với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thực tiễn của tỉnh; ưu tiên nông nghiệp và thủy sản công nghệ cao; công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu sinh học; bảo vệ môi trường và kinh tế tuần hoàn; y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công nghệ sinh học biển; bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

Việc đề xuất, lựa chọn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của sản xuất, doanh nghiệp, địa phương và người dân; xác định rõ sản phẩm, quy trình công nghệ hoặc mô hình ứng dụng dự kiến, đơn vị tiếp nhận, khả năng thương mại hóa, nhân rộng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Ưu tiên nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu xác định nhu cầu, nghiên cứu, ứng dụng đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

a) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

- Nghiên cứu, chọn tạo và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp; trong chăn nuôi an toàn sinh học.

- Bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi bản địa; xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen của tỉnh.

b) Công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu sinh học

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm, dược liệu và sản phẩm có nguồn gốc sinh học có lợi thế của tỉnh.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, thời hạn bảo quản và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Đặc biệt các sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học, gắn với xây dựng thương hiệu, quảng bá và phục vụ phát triển du lịch.

- Phát triển và ứng dụng các sản phẩm enzyme, vi sinh vật, vật liệu sinh học và nhiên liệu sinh học phù hợp với điều kiện của tỉnh.

c) Công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường và kinh tế tuần hoàn

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải, nước thải, ô nhiễm đất, nước, không khí.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp, phụ phẩm chế biến nông, lâm, thuỷ sản, chất thải chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế phụ phẩm thành phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm có giá trị gia tăng.

d) Công nghệ sinh học trong y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân như chẩn đoán, điều trị, phòng chống - kiểm soát dịch bệnh và kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu, phát triển vùng trồng dược liệu, công nghệ nuôi cấy mô và sản xuất dược liệu chất lượng cao.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở y tế, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học y dược.

e) Công nghệ sinh học biển và nuôi trồng thủy sản

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ cao, an toàn, bền vững; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chọn tạo giống, sản xuất giống chất lượng cao, chế phẩm sinh học, công nghệ phòng và kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm thủy sản.

- Tăng cường nghiên cứu, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên sinh học biển; phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu biển, gắn với bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái và phát triển kinh tế biển bền vững.

f) Công nghệ sinh học phục vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn cảnh quan, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn nguồn gen, các loài đặc hữu, quý, hiếm và các nguồn tài nguyên sinh học có giá trị phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Gắn bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái với phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường và xây dựng sản phẩm du lịch bền vững. Trọng tâm thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tại Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long và các khu bảo tồn thiên nhiên khác.

4. Phát triển nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học và công nghệ, hạ tầng phục vụ công nghệ sinh học

Rà soát, đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, kiểm nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, xác định các đơn vị có đủ điều kiện tham gia mạng lưới nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học. Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, tăng cường liên kết, chia sẻ nguồn lực, tránh đầu tư trùng lặp, dàn trải; việc đầu tư mới phải căn cứ nhu cầu thực tế, hiệu quả sử dụng và khả năng cân đối nguồn lực.

- Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ sinh học của tỉnh, ưu tiên đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, cán bộ kỹ thuật tại doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất.

- Triển khai hiệu quả chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu, trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ theo hướng trở thành đầu mối nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học. Trong đó, ưu tiên đầu tư cho các cơ sở đào tạo, trung tâm KHCN, tổ chức KHCN công lập như: trường Đại học Hoa Lư; Trung tâm KHCN, ĐMST và CĐS; Trung tâm Đo lường và Thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm giống nông nghiệp, Trung tâm giống Thủy hải sản, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Vườn quốc gia Xuân Thủy thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm thuộc Sở Y tế…; nghiên cứu xây dựng, phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo về công nghệ sinh học phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về công nghệ sinh học, nguồn gen, chuyên gia, doanh nghiệp và kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý, chia sẻ và khai thác.

5. Phát triển công nghiệp sinh học, doanh nghiệp công nghệ sinh học và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ sinh học tiên tiến.

- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Xây dựng mạng lưới liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghệ sinh học.

- Thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ sinh học có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

6. Tăng cường liên kết vùng, hợp tác và huy động nguồn lực

- Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong nước nhằm tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao các công nghệ sinh học tiên tiến.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn tỉnh tham gia các chương trình nghiên cứu quốc gia, chương trình hợp tác quốc tế và mạng lưới đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Chủ động xúc tiến đầu tư, kết nối cung - cầu công nghệ, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ sinh học phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học theo quy định của pháp luật.

- Huy động các nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp tăng đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm và mở rộng sản xuất.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; Nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư (PPP), viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch của các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả với UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và các nhu cầu mới trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm.

3. Các cơ sở giáo dục và đào tạo, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các tổ chức, cá nhân khác

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng; Liên kết đào tạo, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Chủ trì, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm.

4. UBND các xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng công nghệ sinh học vào trong sản xuất và cuộc sống.

- Chủ trì/phối hợp triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm.

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn

Nơi nhận:
- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP11.

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp triển khai	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 44-CTr/TU và Kế hoạch của UBND tỉnh;	Các cơ quan, ban, ban, ngành, xã, phường của tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và PTTH Ninh Bình; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hội nghị, tài liệu tuyên truyền, văn bản chỉ đạo	Thường xuyên
2	Lồng ghép, đưa nội dung về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào trong tổng thể triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị.	Các cơ quan, ban, ngành, xã, phường của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	Các Chương trình, Kế hoạch phát triển KT-XH, Kế hoạch triển khai NQ 57-NQ/TW	Hàng năm
3	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, bảo đảm đồng bộ với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tiễn giai đoạn mới	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan	Đề xuất chính sách	Hàng năm

4	Triển khai các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp; ưu tiên doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu sinh học, môi trường, y dược, kinh tế biển và bảo tồn đa dạng sinh học.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan	Các văn bản triển khai	Thường xuyên
5	Nghiên cứu, chọn tạo và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Giống cây, con	Thường xuyên
6	Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp; trong chăn nuôi an toàn sinh học.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Sản phẩm mới; mô hình	Thường xuyên
7	Phát triển và ứng dụng các sản phẩm enzyme, vi sinh vật, vật liệu sinh học và nhiên liệu sinh học phù hợp với điều kiện của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương; Sở Y tế	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Sản phẩm mới; mô hình	Thường xuyên
8	Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm, dược liệu và sản phẩm có nguồn gốc sinh học có lợi thế của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương; Sở Y tế	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Sản phẩm mới; mô hình	Thường xuyên
9	Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải, nước thải, ô nhiễm đất, nước, không khí.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương; Sở Y	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị	Sản phẩm mới; mô hình	Thường xuyên

		tế; các xã, phường	có liên quan		
10	Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp, phụ phẩm chế biến nông, lâm, thuỷ sản, chất thải chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế phụ phẩm thành phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm có giá trị gia tăng.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN; các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Sản phẩm mới; mô hình	Thường xuyên
11	Ứng dụng công nghệ sinh học trong y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân như chẩn đoán, điều trị, phòng chống - kiểm soát dịch bệnh và kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; và các đơn vị có liên quan	Mô hình	Thường xuyên
12	Nghiên cứu, phát triển vùng trồng dược liệu, công nghệ nuôi cấy mô và sản xuất dược liệu chất lượng cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; và các đơn vị có liên quan	Đề án; dự án; mô hình	Thường xuyên
13	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ cao, an toàn, bền vững; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chọn tạo giống, sản xuất giống chất lượng cao, chế phẩm sinh học, công nghệ phòng và kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm thủy sản.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Chương trình; đề án; kế hoạch; nhiệm vụ KHCN; mô hình	Thường xuyên
14	Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn cảnh quan, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã,	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Du lịch; Viện,	Chương trình; đề án; kế	Thường xuyên

	tồn nguồn gen, các loài đặc hữu, quý, hiếm và các nguồn tài nguyên sinh học có giá trị phù hợp với điều kiện thực tiễn .	phường; BQL VQG Cúc Phương, BQL rừng phòng hộ, đặc dụng; BQL VQG Xuân Thủy	trường, tổ chức KHCN, DN KHCN và các đơn vị có liên quan	hoạch; nhiệm vụ KHCN; mô hình	
15	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ sinh học của tỉnh, ưu tiên đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý khoa học và công nghệ, cán bộ kỹ thuật tại doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Viện, trường, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN và các đơn vị có liên quan	Chương trình; kế hoạch, lớp tập huấn, hội nghị tập huấn, đào tạo	Hàng năm
16	Triển khai hiệu quả chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, các xã, phường và các đơn vị có liên quan		Thường xuyên
17	Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu, trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ theo hướng trở thành đầu mối nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; ĐH Hoa Lư	Sở Tài chính; các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Chương trình; kế hoạch; dự án	2026-2030
18	Nghiên cứu xây dựng, phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo về công nghệ sinh học phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo; ĐH Hoa Lư	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị có liên quan	Chương trình; chuyên ngành đào tạo	Thường xuyên
19	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ sinh học tiên tiến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị	Số DN được hỗ trợ	Thường xuyên

			có liên quan		
20	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Số DN được hỗ trợ thành lập	Thường xuyên
21	Xây dựng mạng lưới liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Diễn đàn, sự kiện	Hàng năm
22	Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu, hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghệ sinh học.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Số DN được hỗ trợ	Thường xuyên
23	Thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ sinh học có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.	Sở Tài chính; các BQL Khu CN, Khu CNC; Khu KT	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Số DN thành lập	Thường xuyên